

Mẫu CBTT/SGDHCM-09
Appendix CBTT/SGDHCM-09

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)

(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM
VIETNAM PESTICIDE JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 368 /CBTT-TST

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2025
HoChiMinh city, 7/09/2025

TÓM TẮT SỞ CỘ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 24/6/2025 ĐỂ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2024
SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON DATE 6/24/2025 FOR DIVIDEND PAYMENT 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ SHAREHOLDING STRUCTURE:

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Shareholding structure on type of shareholder basis

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of shares	Proportional ownership (%)	Number of shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông Nhà nước/ The State as shareholder	12.475.008	51,00%	1	1	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/ Founder/ FDI Shareholder	-	-	-	-	-
	- Trong nước/ Domestic	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-



STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*) Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of shares	Proportional ownership (%)	Number of shareholders	Institution	Individual
3	Cổ đông lớn/ Major Shareholders	7.011.700	28,67%	2	-	2
	- Trong nước/Domestic	7.011.700	28,67%	2	-	2
	- Nước ngoài/Foreign	-	-	-	-	-
4	Công đoàn Công ty/ Labor Union	105	0,00%	1	1	-
	- Trong nước/Domestic	105	0,00%	1	1	-
	- Nước ngoài/Foreign	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ/ Treasury shares	-	-	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Preferred stocks	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác/ Other shareholders	4.973.979	20,33%	717	25	693
	- Trong nước/ Domestic	4.964.064	20,29%	709	20	685
	- Nước ngoài/Foreign	9.915	0,04%	12	4	8
TỔNG CỘNG/ TOTAL		24.460.792	100,00%	721	26	695
Trong đó: - Trong nước/Domestic		24.450.877	99,96%	709	22	687
- Nước ngoài/Foreign		9.915	0,04%	12	4	8

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of Share	Proportional ownership (%)	Number of Shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/ Major Shareholders (excluding Professional investors)	19.486.708	79,67%	3	1	2
	- Trong nước/ Domestic	19.486.708	79,67%	3	1	2
	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
<i>NO.</i>	<i>Subject</i>	<i>Number of Share</i>	<i>Proportional ownership (%)</i>	<i>Number of Shareholders</i>	<i>Institution</i>	<i>Individual</i>
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VĐL trở lên/ <i>Professional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital</i>	-	-	-	-	-
	- Trong nước/ Domestic	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VĐL <i>Professional investors which hold share in an amount under 5% of the paid-up capital</i>	2.077	0,01%	6	6	-
	- Trong nước/ Domestic	877	0,00%	3	3	-
	- Nước ngoài/ Foreign	1.200	0,00%	3	3	-
TỔNG CỘNG/ Total		19.488.785	79,68%	9	7	2

Ghi chú/ Note:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Khoản 11 Điều 6 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.
Professional investor term is defined in Clause 11 Article 6 Security Law No 70/2006/QH11
- Cổ đông lớn là cổ đông nắm giữ cổ phiếu tương đương 5% vốn điều lệ hoặc hơn
Major shareholders are those holding >5% of paid-up capital of a company.
- (*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình
(): Count the number of institution, individual.*

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu

c/ Các trường hợp khác/ Other cases:

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
<i>Subject</i>	<i>Number of transfer restriction shares</i>	<i>Number of free transfer shares</i>	<i>Total</i>	<i>Proportional ownership (%)</i>
I. Người nội bộ/ Internal persons	-	58.494	58.494	0,24%
II. Cổ phiếu quỹ/ Treasury stocks	-	-	-	-
III. Công đoàn Công ty/ Labor Union	-	105	105	0,00%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Shareholders own preferred stocks (If any)	-	-	-	-

08946
CÔNG TY
PHẦN
SÁT TRƯ
T NAM
P. HỒ C

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	Number of transfer restriction shares	Number of free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
V. Cổ đông khác/ Other Shareholders	-	24.402.193	24.402.193	99,76%
1. Trong nước/ Domestic	-	24.392.278	24.392.278	99,72%
1.1 Cá nhân/ individual	-	10.776.699	10.776.699	44,06%
1.2 Tổ chức/ Institutional	-	13.615.579	13.615.684	55,66%
- Trong đó Nhà nước/State Shareholders:	-	12.475.008	12.475.008	51,00%
2. Nước ngoài/ Foreign	-	9.915	9.915	0,04%
2.1 Cá nhân/ Individual	-	8.548	8.548	0,03%
2.2 Tổ chức/ Institutional	-	1.367	1.367	0,01%
TỔNG CỘNG/TOTAL:	-	24.460.792	24.460.792	100,00%

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT
LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE:

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
A. Cổ đông nhà nước/State shareholders							
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0100100061	29/08/2014	1A Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	12.475.008	51,00%	-
Tổng Cộng A/ Total A					12.475.008	51,00%	
B. Cổ đông lớn/ Major Shareholders							
1	Nguyễn Đức Thuận	034057018374	01/04/2015	24 Trần Quốc Thảo, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	4.948.720	20,23%	-
2	Lâm Thị Mai	080172010010	15/06/2010	24 Trần Quốc Thảo, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	2.062.980	8,43%	-
Tổng Cộng B/ Total B					7.011.700	28,67%	
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholders							
Tổng Cộng C/ Total C							
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)							

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
Tổng Cộng D/ Total D							
Tổng Cộng (A+B+C+D)/ Total (A+B+C+D)					19.486.708	79,67%	

Ghi chú/ Note:

Trường hợp là cổ đông Nhà nước: cần ghi rõ tên người đại diện sở hữu cổ phần nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết (nếu có).
In case of State Shareholders: Note the name of persons represent for the ownership of the State.

III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS

3/ Trường hợp khác

For use of other cases:

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
No.	Name	Position	Number of Transfer restriction shares	Number of Free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
1	Nguyễn Thân	UV HĐQT kiêm TGD, đại diện vốn NN tại DN <i>Member of the Managing Board, General Director, Persons represent for the ownership of the State</i>	-	40.149	40.149	0,16%
2	Lê Ngọc Quang	Chủ tịch HĐQT, đại diện vốn NN tại DN <i>Chairman of the Managing Board, Persons represent for the ownership of the State</i>	-	-	-	-
3	Nguyễn Minh Việt Hưng	UV HĐQT, đại diện vốn NN tại DN <i>Member of the Managing Board, persons represent for the ownership of the State</i>	-	-	-	-
4	Nguyễn Thanh Thùy	UV HĐQT <i>Member of the Managing Board</i>	-	-	-	-
5	Mai Thanh Bình	UV HĐQT <i>Member of the Managing Board</i>	-	-	-	-
6	Nguyễn Xuân Khánh	Trưởng Ban kiểm soát <i>Control chief</i>	-	8.310	8.310	0,03%
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	UV Ban kiểm soát <i>Member of Control Board</i>	-	-	-	-



STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
No.	Name	Position	Number of Transfer restriction shares	Number of Free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
8	Đặng Thị Hà	UV Ban kiểm soát Member of Control Board	-	-	-	-
9	Hồ Thái Quang	Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director	-	-	-	-
10	Võ Văn Nhật Thành	Phó Tổng giám đốc kiêm Người phụ trách quản trị công ty Deputy General Director cum Person in charge of corporate governance Nhân viên công bố thông tin Persons authorized to disclose information	-	-	-	-
11	Cao Minh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director	-	2.979	2.979	0,01%
12	Thái Nguyên Luật	Kế toán trưởng Chief accountant	-	1.568	1.568	0,01%
13	Nguyễn Thị Thu Hoài	Người phụ trách quản trị công ty Person in charge of corporate governance	-	5.488	5.488	0,02%
TỔNG CỘNG/ TOTAL:			-	58.494	58.494	0,23%

Ghi chú/ Note: Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (*)

If Internal persons are those who represent for the insitutional investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, there shall be detailed information of the share ownership and portion representation of each person in column that has symbol (*)

 Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)


CÔNG TY
CỔ PHẦN
THUỐC SẮT TRÙNG
KHÁNH
VIỆT NAM
QUẬN 1-TP. HỒ CHÍ MINH


Nguyễn Thân
Tổng Giám Đốc